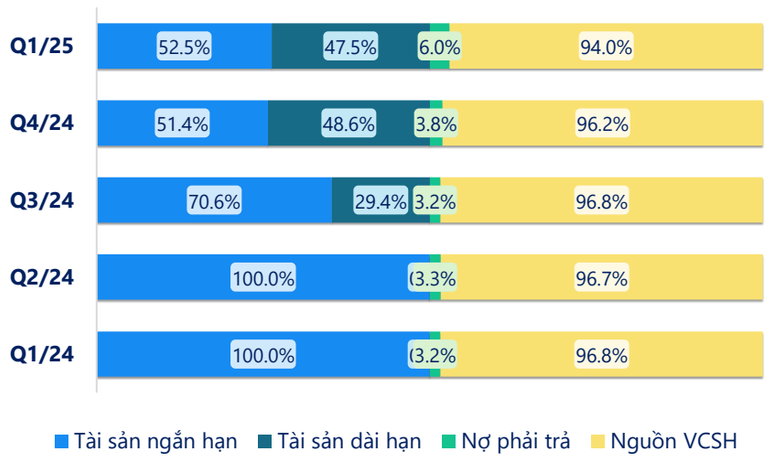
FireAnt

CTCP Hòa Bình Takara (HNX: CTP)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	33,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	12,099,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,195
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	408
P/E	1016.9
EPS	33

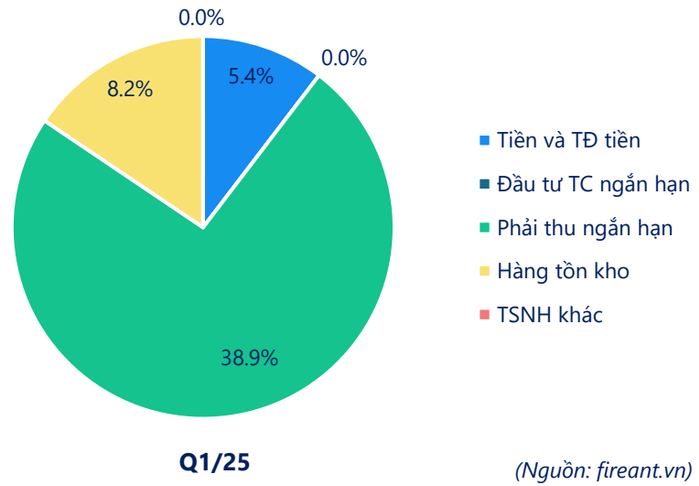
	YTD	1T	3T	6T
CTP	15.4%	-15.8%	14.2%	-11.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



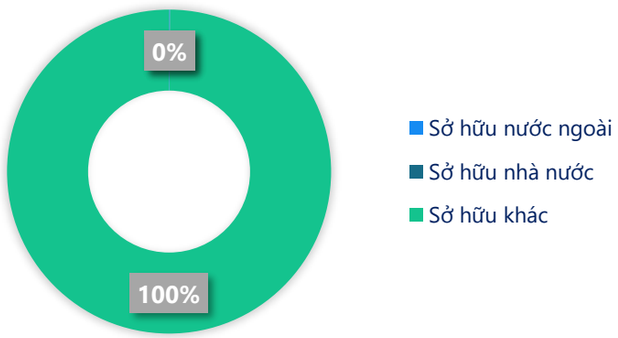
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



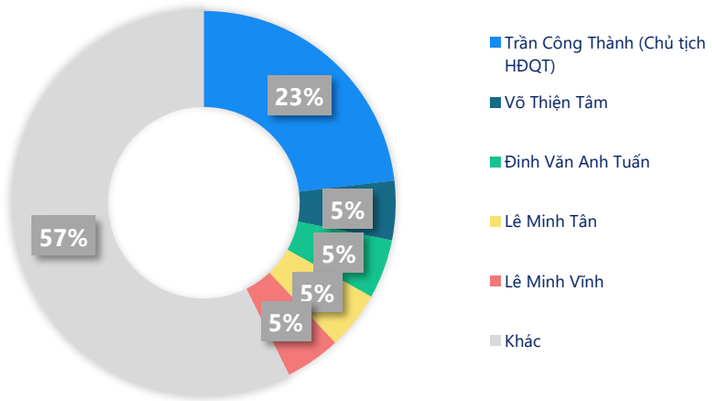
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



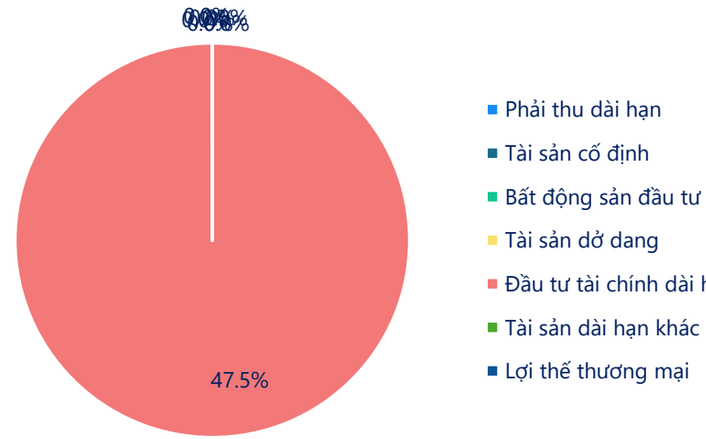
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

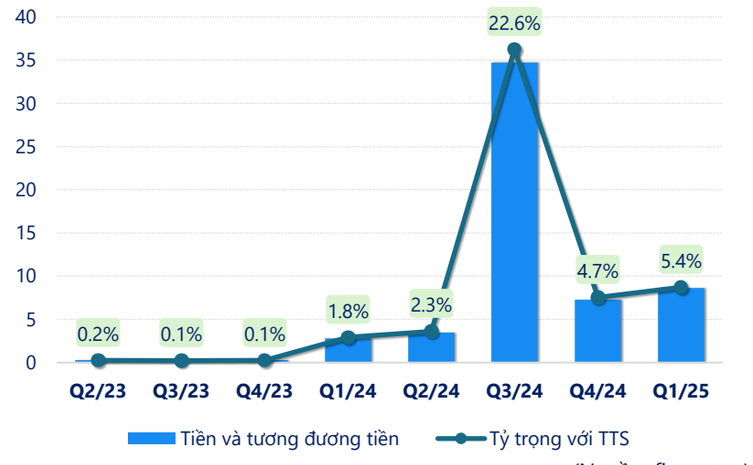


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

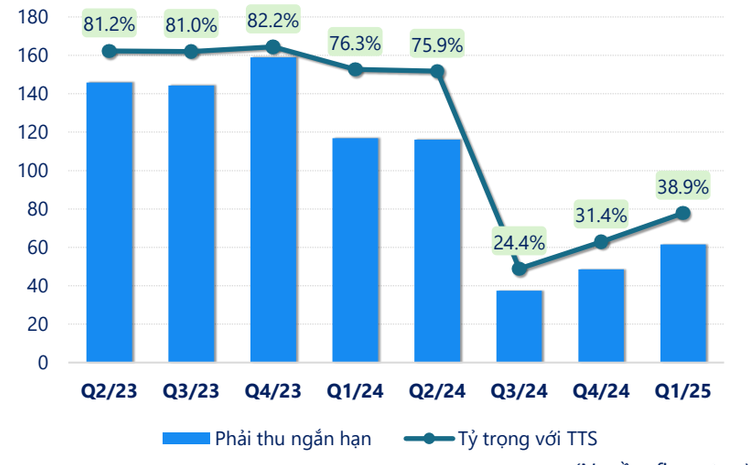
CTCP Hòa Bình Takara (HNX: CTP)

Tiền và tương đương tiền



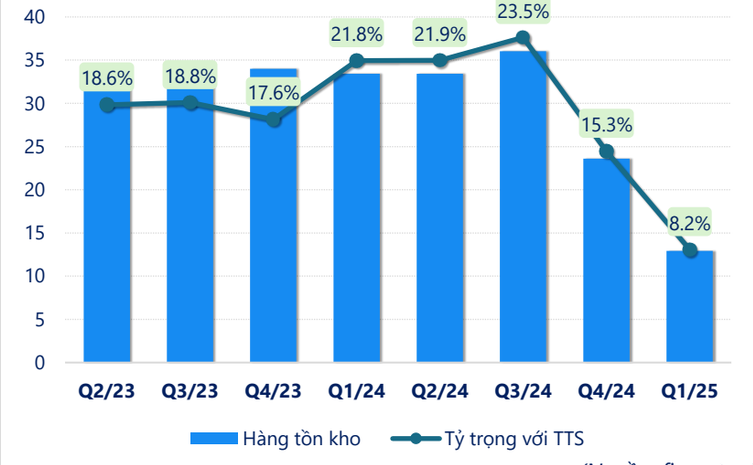
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



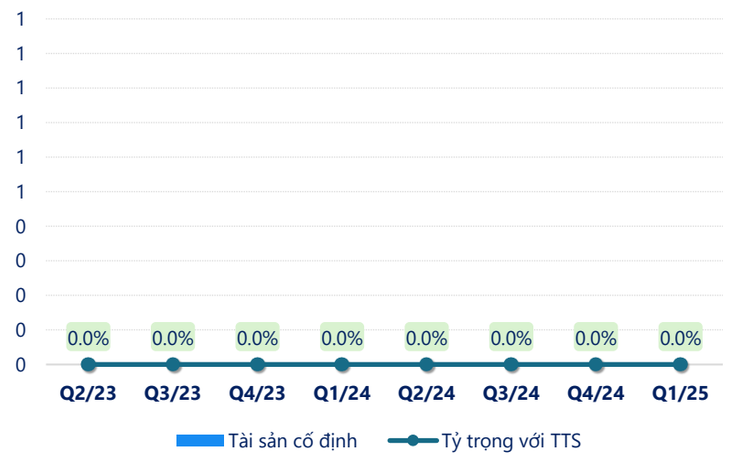
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



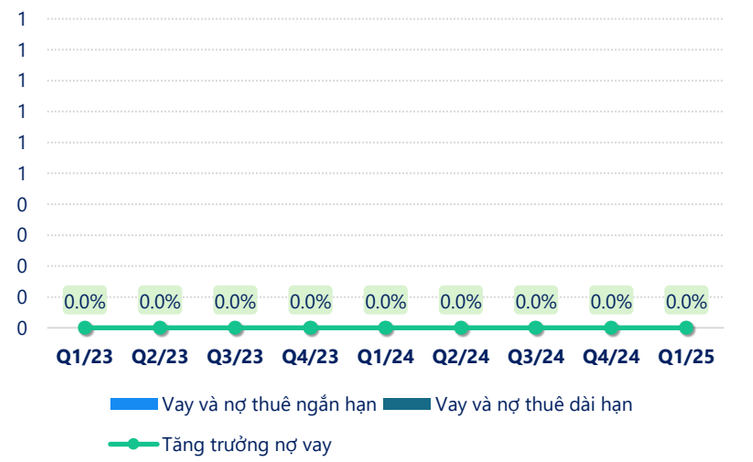
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



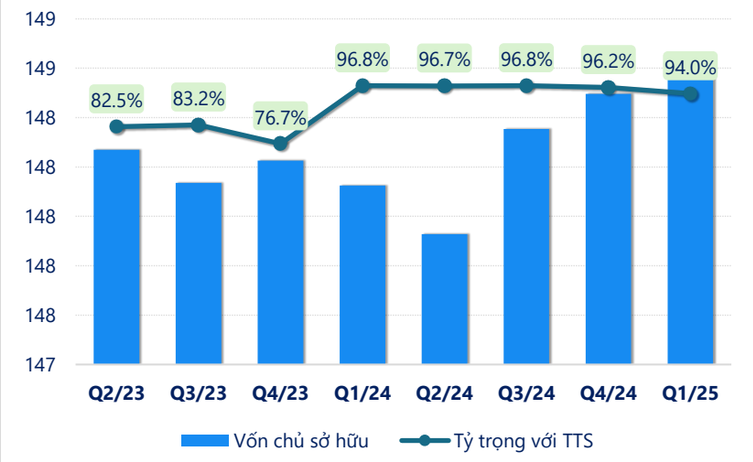
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

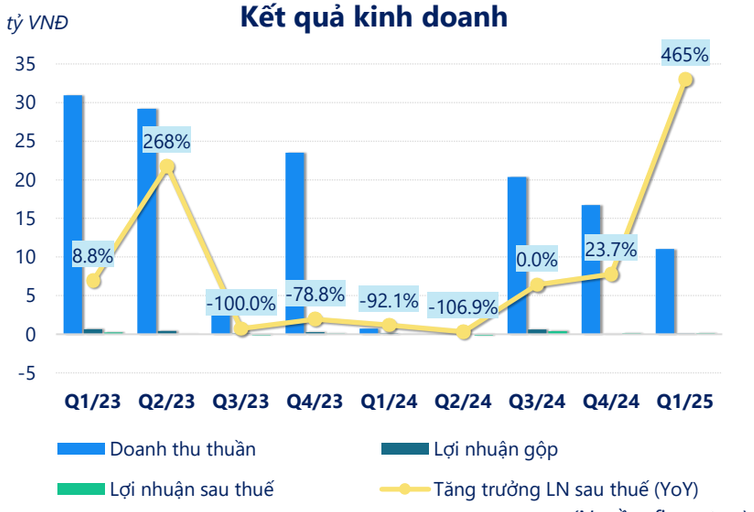


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

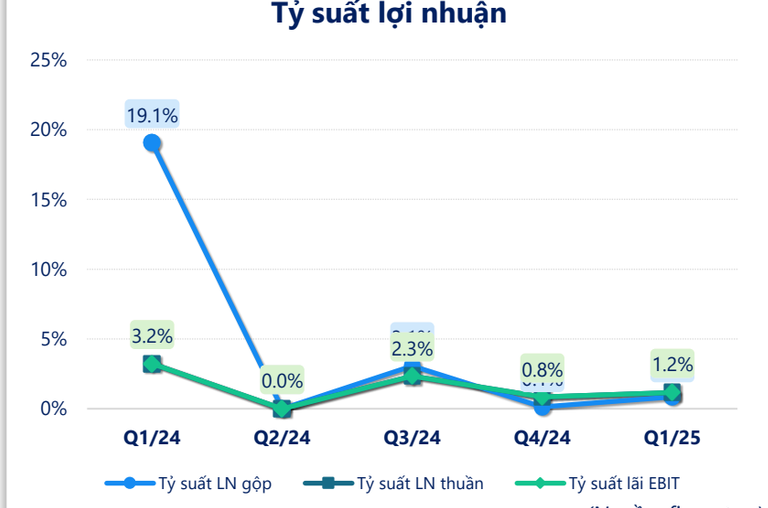
CTCP Hòa Bình Takara (HNX: CTP)

Kết quả kinh doanh



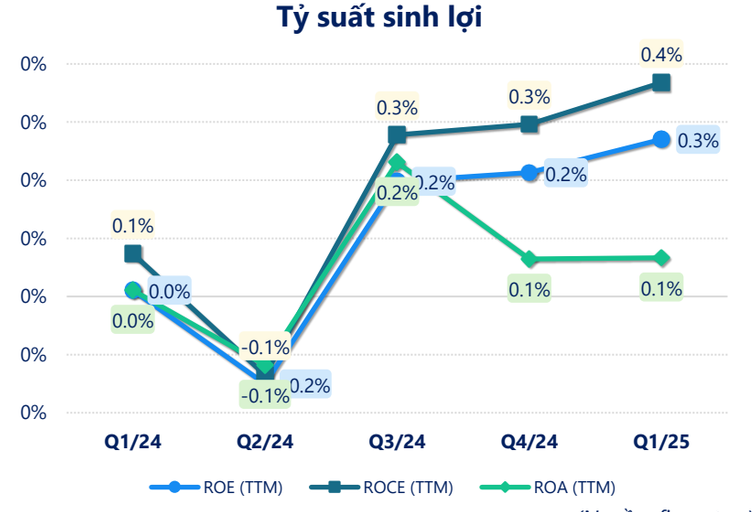
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



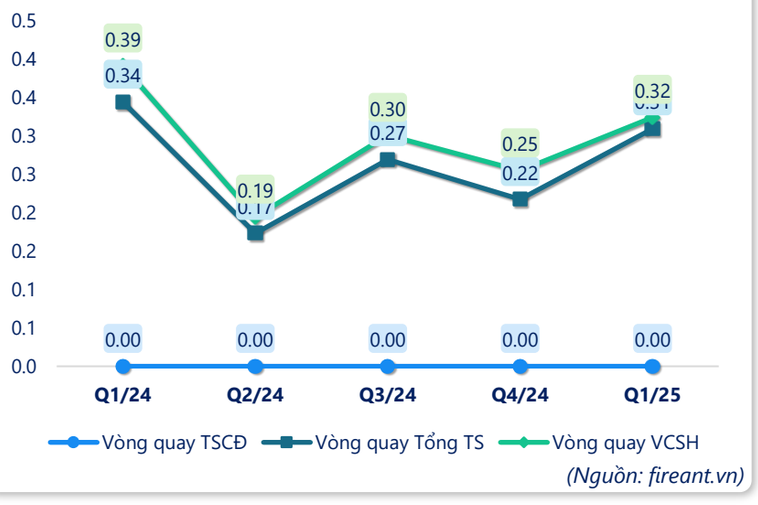
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



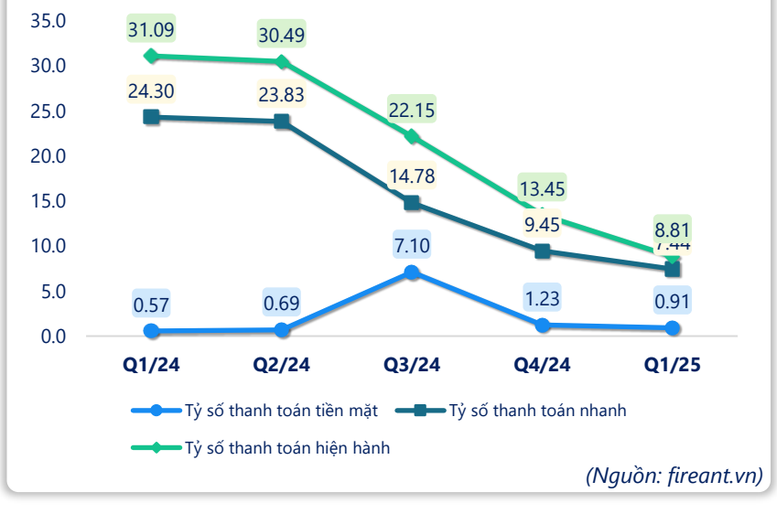
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



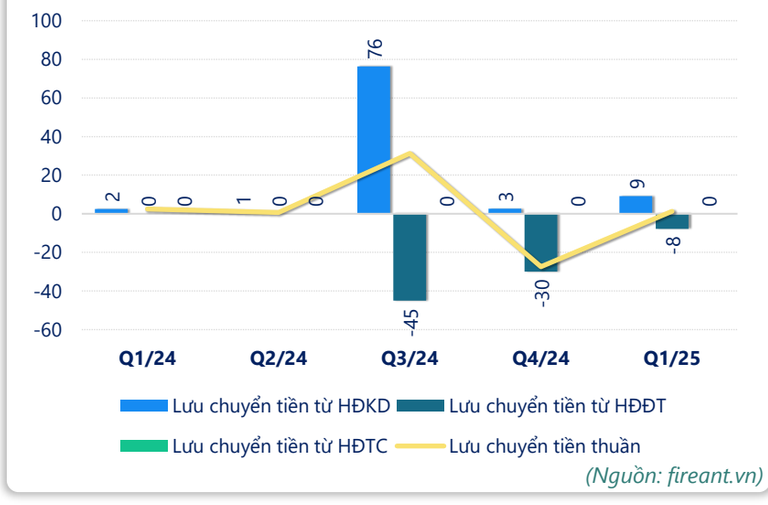
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Hòa Bình Takara (HNX: CTP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**158**	**155**	**1.7%**
Tài sản ngắn hạn	83.0	80.4	3.4%
Tiền và tương đương tiền	8.61	7.28	18.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	61.5	59.8	2.9%
Hàng tồn kho	12.9	13.3	-3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn	**75.0**	**75.0**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	75.0	75.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.00**	**-33.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9.43	6.84	37.8%
Nợ ngắn hạn	**9.43**	**6.84**	**37.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.71	0.18	1394%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**149**	**149**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**149**	**149**	**0.1%**
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0.71	0	20.4	16.7	11.0
Giá vốn hàng bán	0.57	0	19.7	16.7	11.0
Lợi nhuận gộp	0.14	0	0.63	0.02	0.09
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.17	0.25
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.11	0.20	0.15	0.05	0.21
LN thuần từ HĐKD	0.02	-0.20	0.48	0.14	0.13
Lợi nhuận khác	0	0.00	0	0	0
LN trước thuế	0.02	-0.20	0.48	0.14	0.13
Lợi nhuận sau thuế	0.02	-0.20	0.38	0.11	0.10
LNST của CĐ cty mẹ	0.02	-0.20	0.38	0.11	0.10

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.50	0.67	76.2	2.57	9.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-45.0	-30.0	-7.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.29	2.79	3.46	34.7	7.28
Lưu chuyển tiền thuần	**2.50**	**0.67**	**31.2**	**-27.4**	**1.33**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.79	3.46	34.7	7.28	8.61

(Nguồn: fireant.vn)